

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày: 15-5-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Biện Công N, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2022.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Ông Lâm Minh Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rẫy M, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Biện Công N trình bày:

Ngày 10/9/2022 bà Nguyễn Thị H có hỏi vay của bà Phạm Thị Kim N số tiền 50.000.000 đồng, hẹn 30 ngày sau sẽ trả lại, việc vay có làm biên nhận, biên nhận không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận bằng lời nói lãi 3%/tháng. Sau khi vay đến nay vợ chồng bà H, ông Đ không trả vốn, lãi, dù bà N đã nhiều lần đòi nhưng chỉ hẹn chứ không trả. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông Đ liên đới trả cho bà N tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày vay đến nay, mức lãi suất 1%/tháng, tổng số tiền yêu cầu vốn lãi là 54.000.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Ngọc N trình bày:

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận có việc vay nợ như nguyên đơn trình bày, cụ thể ngày 10/9/2022 bà H vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, mục đích vay tiêu xài cá nhân, chồng bà H là ông Lâm Minh Đ không biết việc bà H vay tiền của bà N, việc vay có làm biên nhận và bà H có ký tên, thừa nhận biên nhận nguyên đơn cung cấp đúng là của bà H. Sau khi vay được 01 tháng bà H có đóng lãi 5.000.000 đồng cho bà N, từ đó đến nay bà H chưa trả vốn, lãi cho bà N. Nay bà H đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, yêu cầu khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng bà H đã trả. Riêng ông Lâm Minh Đ không liên quan số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn lãi 54.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu nghĩa vụ liên đới đối với ông Lâm Minh Đ. Án phí bị đơn bà Hằng phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Rẫy M, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Nguyên đơn bà N và bị đơn bà H đều thống nhất trình bày, vào ngày 10/9/2022 bà H vay của bà N số tiền vốn 50.000.000 đồng. Do bị đơn bà

Nguyễn Thị H thừa nhận nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[3] Về lãi suất: Bà N trình bày cho vay thỏa thuận miệng lãi 3%, bà H trình bày lãi 10%, nhưng không đương sự nào chứng minh được mức lãi suất thỏa thuận tại thời điểm vay, tuy nhiên, việc vay là có lãi. Bị đơn bà H trình bày sau khi vay một tháng thì có đóng lãi cho bà N số tiền 5.000.000 đồng, nhưng bà N không thừa nhận và bà H không đưa ra được căn cứ chứng minh đã trả lãi như trên, nên Hội đồng xét xử xác định bà H chưa trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 4.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn bà H trả cho nguyên đơn số tiền lãi nêu trên.

[4] Về nghĩa vụ liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông Lâm Minh Đ là chồng bà H có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả số nợ nêu trên. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn lập luận mặc dù thời điểm vay ông Đ không biết bà H vay nợ, nhưng sau khi phát sinh tranh chấp ông Đ có biết và khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Nhưng, đại diện ủy quyền bị đơn trình bày, bà H vay mục đích cá nhân, ông Đ không hay biết nên ông Đ không liên quan số nợ trên. Do bị đơn không thừa nhận là nợ chung nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn, ngoài lời nói ra nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc xác lập hợp đồng vay là do vợ chồng bà H, ông Đ cùng thỏa thuận xác lập hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên nguyên đơn yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ là chưa đủ cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N số tiền còn nợ 54.000.000 đồng, trong đó vốn 50.000.000 đồng và lãi 4.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lâm Minh Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả. Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng trên phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.275.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002912 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, nguyên đơn được nhận lại số tiền 975.000 đồng.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh T là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N số tiền vay còn nợ vốn 50.000.000 đồng và lãi 4.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N về việc buộc bị đơn ông Lâm Minh Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.275.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002912 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N được nhận lại số tiền 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh T;
- CCTHADS huyện Thanh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp